

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2019/HS-ST**

Ngày: 17/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phước Mãng.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Đỗ Anh T; Sinh ngày: 04/6/1978; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 565/2 đường LLQ, Phường J, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đắc T và bà: Đỗ Thị Kim H; Có vợ: Là bà Tạ Mỹ K (đã ly hôn) và con: Có 01 người con, sinh năm 2008; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 27/4/2019.

Tiền án: Ngày 18/7/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 92/2012/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2013 và hình phạt bổ sung ngày 24/7/2019 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1473/GCN-CHHPT của Trại giam Tổng Lê Chân và Công văn trả lời xác minh số: 2969/CCTHADS ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân:

- Ngày 15/8/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» và 02 năm tù về tội «Hiếp dâm». Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 năm tù (Bản án số: 1292/HSST), bị cáo kháng cáo và ngày 23/12/1996, Tòa phúc

thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 2147/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/11/1999 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1187/GCN của Trại giam Cái Tàu). Bị cáo chưa thi hành xong phần án phí (Công văn trả lời xác minh số: 9004/CTHADS-VP ngày 31/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 08/9/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» (Bản án số: 2353/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2003 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 109/GCN của Trại giam Châu Bình). Bị cáo chưa thi hành xong phần án phí (Công văn trả lời xác minh số: 8380/CTHADS-VP ngày 17/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Khách sạn MQ;
Địa chỉ: 142 Đường 22, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D; Sinh năm: 1978 - Là Giám đốc Công ty Trú tại: 743/11/15 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 27/4/2019, Công an Phường 11, Quận 6 kết hợp cùng Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6 kiểm tra hành chính khách sạn MQ tại địa chỉ 142 đường số 22, Phường K, Quận F. Khi kiểm tra phòng 101 đã phát hiện và thu giữ tại giường của Trần Đỗ Anh T 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn không màu (01 gói giấu dưới nệm, 01 gói để trên bàn ngay giường của T) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ các đối tượng có mặt trong phòng là Nguyễn Thanh T1, Tăng Thị Ngọc T. Sau đó, đã giao các đối tượng này cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đỗ Anh T khai: Khoảng 20 giờ ngày 27/4/2019, T đến khu vực vòng xoay đường Ngô Gia Tự - đường Lý Thái Tổ, Quận 10 mua từ một người đàn ông (không rõ lai lịch) 02 gói ma túy đá giá 1.500.000 đồng. Sau đó, T qua nhà của T ngồi nhậu. Tại đây, T kêu T gọi điện thoại rủ Ngô Thị Kim A đến chơi và sau khi biết Kim A đang ở khách sạn MQ nên cả hai đến khách sạn tìm Kim A. Do nhân viên khách sạn không cho vào nên T đã thuê phòng 101 ngủ lại. Một lúc sau, T1 thấy Tăng Thị Ngọc T (bạn T1) đi ngang qua phòng 101 nên mời vào phòng trò chuyện đến 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an kiểm tra bắt giữ như nêu trên.

Nguyễn Thanh T1, Tăng Thị Ngọc T khai cũng tương tự, đồng thời xác nhận không biết Trần Đỗ Anh T cất giữ ma túy trong người và đã đem đến khách sạn MQ như thế nào.

Tại Kết luận giám định số: 990/KLGD-H ngày 13 tháng 5 năm 2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Tấn Phương (Điều tra viên), Trương Đồng (người chứng kiến), Trần Đỗ Anh T và hình dấu Công an Phường 11, Quận 6 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,3748g (hai phẩy ba bảy bốn tám gam), loại Methamphetamine.

Đối với Nguyễn Thanh T1, Tăng Thị Ngọc T, do không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Đỗ Anh T, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn người đàn ông bán ma túy cho Trần Đỗ Anh T, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 98/CT-VKS ngày 08 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Đỗ Anh T về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Đỗ Anh T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi mua 02 bịch ma túy đá giá 1.500.000 đồng từ một người đàn ông không rõ lai lịch ở khu vực vòng xoay đường Ngô Gia Tự - đường Lý Thái Tổ, Quận 10 để sử dụng và bị Công an phát hiện bắt quả tang tại phòng 101 khách sạn MQ (địa chỉ 142 đường số 22, Phường K, Quận F) vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/4/2019 như nội dung bản cáo trạng nêu;

Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Khách sạn MQ, ông Nguyễn Tiến D trình bày vào thời điểm Công an kiểm tra khách sạn thì ông đang ở nhà và chỉ nghe quản lý báo lại là Công an đã thu giữ tại phòng 101 của một người tên Trần Đỗ Anh T đứng tên đăng ký thuê phòng 02 bịch ma túy đá. Ông D khẳng định khi khách đến thuê phòng, phía Công ty ông đã thực hiện đúng quy trình, còn việc khách có đem theo tài sản hay gì khác vào phòng thì nhân viên của ông không thể kiểm tra và quản lý được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Đỗ Anh T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Đỗ Anh T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói có chứa ma túy ghi vụ số: 990/2019 Q6, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Lê Thị Hằng, Điều

tra viên Nguyễn Minh Tấn; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa.

Trả lại bị cáo Trần Đỗ Anh T 01 chiếc điện thoại di động màu đen, bên ngoài có ghi chữ Nokia, số Imei: 356261/04/395506/9 (bên trong có sim điện thoại 4G Mobifone, số seri: 8401161051699007OT).

Bị cáo Trần Đỗ Anh T không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Đỗ Anh T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Đỗ Anh T tại phiên tòa là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định; lời khai của Nguyễn Thanh T1, Tăng Thị Ngọc T và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Đỗ Anh T đã phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Đỗ Anh T đã cất giữ 2,3748 gam ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) để sử dụng. Hành vi này của bị cáo không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 vì cho rằng bị cáo có 03 tiền án (ngày 15/8/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» và 02 năm tù về tội «Hiếp dâm»). Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 năm tù (Bản án số: 1292/HSST); ngày 08/9/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử

phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» (Bản án số: 2353/HSST); ngày 18/7/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 92/2012/HSST) và cả 03 bản án này đều chưa được xóa án tích (do bị cáo chưa thi hành xong phần án phí, nộp phạt) mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là «Tái phạm nguy hiểm», là chưa chính xác. Bởi, bản án gần nhất là Bản án số: 92/2012/HSST ngày 18/7/2012 của Tòa án nhân dân Quận 6 không xác định Bản án số: 1292/HSST ngày 15/8/1996 và Bản án số: 2353/HSST ngày 08/9/2000 là tiền án và không tuyên bố bị cáo phạm tội với tình tiết định khung là «Tái phạm nguy hiểm» mà chỉ xác định hai bản án này là nhân thân và Bản án số: 92/2012/HSST đến nay đã có hiệu lực pháp luật (không bị kháng cáo, kháng nghị), nên trong lần phạm tội này của bị cáo, không thể xác định lại Bản án số: 1292/HSST và Bản án số: 2353/HSST là tiền án (mặc dù qua xác minh thể hiện bị cáo chưa đóng án phí). Chính vì vậy ngày 17/9/2019, Hội đồng xét xử trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố lại để xác định chính xác khung hình phạt đối với bị cáo, nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo Trần Đỗ Anh T về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhằm đảm bảo các quy định có lợi cho người phạm tội theo Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

Bị cáo Trần Đỗ Anh T là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Như đã nêu, ngày 18/7/2012 bị cáo Trần Đỗ Anh T bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy», chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm (bị cáo thi hành hình phạt bổ sung sau ngày thực hiện hành vi phạm tội). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đó là ngày 15/8/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân» và 02 năm tù về tội «Hiếp dâm». Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 năm tù; ngày 08/9/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản của công dân». Cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần, nhưng bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội hết lần này đến lần khác.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đỗ Anh T là nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo Trần Đỗ Anh T còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc xử lý vật chứng: 01 gói có chứa ma túy ghi vụ số: 990/2019 Q6, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Lê Thị Hằng, Điều tra viên Nguyễn Minh Tấn; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 bình nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa, là vật cấm lưu hành, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Còn 01 chiếc điện thoại di động màu đen, bên ngoài có ghi chữ Nokia, số Imei: 356261/04/395506/9 (bên trong có sim điện thoại 4G Mobifone, số seri: 8401161051699007OT) thu giữ của bị cáo Trần Đỗ Anh T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 54/PNK ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Công an Quận 6 - BL78)

[7] Đối với Nguyễn Thanh T1, Tăng Thị Ngọc T, Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đỗ Anh T, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của T1 và T2 thì Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã giao T1, T2 cho chính quyền địa phương nơi T1, T2 cư trú xử lý theo quy định, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với người đàn ông mà bị cáo Trần Đỗ Anh T khai bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Bị cáo Trần Đỗ Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trần Đỗ Anh T** phạm tội: «Tàng trữ trái phép chất ma túy».

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo **Trần Đỗ Anh T** 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/4/2019.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói có chứa ma túy ghi vụ số: 990/2019 Q6, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Lê Thị Hằng, Điều tra viên Nguyễn Minh Tấn; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) bình nhựa, 01 (một) ống thủy tinh, 01 (một) ống hút nhựa.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Trần Đỗ Anh T 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, bên ngoài có ghi chữ Nokia, số Imei: 356261/04/395506/9; 01 (một) sim điện thoại 4G Mobifone, số seri: 8401161051699007OT.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Đỗ Anh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Trần Đỗ Anh T; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Khách sạn MQ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên